

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/4/2020

*“V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do
nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn,
tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tiểu và bà Tường Thị Thu

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1976

** Bị đơn:* Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn TT1, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và phiên hòa giải ngày 09/3/2020, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và Lý Văn Đ do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng kể từ đó cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị L và anh Đ sống tại thôn TT1, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì giữa chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không cùng

quan điểm sống, nghi ngờ, ghen tuông, không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm không còn đối với anh Đ, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa chị và anh Lý Văn Đ theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh Đ có 03 con là Lý Thị Thu T, sinh ngày 20/11/1995, Lý Thị H, sinh ngày 07/4/2002 và Lý Thị Bích N, sinh ngày 28/6/2004. Chị L có quan điểm như sau: Cháu T đã đi lấy chồng chuyển ra ở riêng nên không đề nghị giải quyết, đối với cháu H và cháu N có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn sẽ được bố trực tiếp nuôi dưỡng, chị L nhất trí giải quyết quyền trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng nêu trên của các con và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Giữa chị Đặng Thị L và anh Lý Văn Đ đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2020, phiên hòa giải ngày 09/3/2020, bị đơn anh Lý Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn Đ xác nhận việc anh và chị Đặng Thị L qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại thôn TT1, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và nhiều lần xô xát, cãi vã, dẫn tới anh chị ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Anh Đ nhất trí với việc khởi kiện của chị L, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống của anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Đ xác nhận trong quá trình chung sống giữa anh và chị L có 03 con chung là Lý Thị Thu T, sinh ngày 20/11/1995, Lý Thị H, sinh ngày 07/4/2002 và Lý Thị Bích N, sinh ngày 28/6/2004, anh Đ nhất trí giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của con và theo quan điểm chị L nêu trên, không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2020 cháu Lý Thị H và cháu Lý Thị Bích N cùng thể hiện nguyện vọng được bố là anh Lý Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án và giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đều thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39; 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX: Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị L, xác định Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ không có giá trị về pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Lý Thị Bích N, sinh ngày 28/6/2004 cho anh Lý Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con); đối với Lý Thị Thu T, sinh ngày 20/11/1995, đã trên 18 tuổi và đi lấy chồng, cháu Lý Thị H, sinh ngày 07/4/2002 đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị L và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị L nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Đ không phải chịu án phí DSST ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lý Văn Đ, nhưng anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lý Văn Đ, có khẩu thường trú tại: xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị L và anh Lý Văn Đ vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Lý Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã TP, huyện Chiêm Hóa (nơi chị L và anh Đ đã sinh sống) xác định chị L và anh Đ chưa từng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, Chị Đặng Thị L và anh Lý Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mỗi quan hệ của chị L và anh Đ không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Đặng Thị L yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa chị và anh Lý Văn Đ, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị L, không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị L và anh Lý Văn Đ là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị L và anh Đ có 03 người con chung là Lý Thị Thu T, sinh ngày 20/11/1995, Lý Thị H, sinh ngày 07/4/2002 và Lý Thị Bích N, sinh ngày 28/6/2004; Đối với cháu T đã đủ 18 tuổi nên anh, chị không yêu cầu giải quyết; đối với cháu H và cháu N, chị L và anh Đ đều thống nhất giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của các con và không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung (các con đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Lý Văn Đ) sau ly hôn; HĐXX căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Lý Thị Bích N cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Lý Thị H, quá trình Tòa án giải quyết cháu có nguyện vọng được ở với bố, tuy nhiên đến thời điểm xét xử cháu đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không giải quyết về quyền trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu Hạnh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh Đ đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, do vậy HĐXX cũng không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đ không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị L; không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị L và anh Lý Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thị Bích N, sinh ngày 28/6/2004 cho anh Lý Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị L đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002629 ngày 20/02/2020 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TP, Chiêm Hóa,TQ;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Hạnh Quỳnh